

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01 /2024/ HNGĐ - ST

Ngày 23- 01- 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nam.

2. Ông Nguyễn Văn Bảy.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Táp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H N, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: tổ H, khu H, phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
Có mặt.

***Bị đơn:** Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: tổ H, khu H, phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh Hoàng Ngọc T vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại tổ H, khu H, phường

Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ giữa năm 2015. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy cuộc sống chung nếu tiếp tục sẽ không có hạnh phúc nên chị N đề nghị được ly hôn anh Hoàng Ngọc T.

- Về con chung: Chị N và anh T có một con chung tên là Hoàng Ngọc L, sinh ngày 29/12/2011. Thời gian vợ chồng sống ly thân, vì có ông bà nội của cháu (bố mẹ anh T) hỗ trợ và muốn con được ổn định việc học tập nên chị vẫn để con sống cùng với anh T và ông bà nội. Chị N đề nghị anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, chị N tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai, bị đơn anh Hoàng Ngọc T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T kết hôn với chị Nguyễn Thị H N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đông Triều như nội dung chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai người trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, bản thân anh đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay anh T thấy tình cảm giữa anh và chị N không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị N có một con chung như chị N đã trình bày. Khi ly hôn, anh T nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con Hoàng Ngọc L, sinh ngày 29/12/2011 và yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của các đương sự như sau:*** Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị về chung sống tại tổ H, khu H, phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm rõ. Quá trình chung sống chị N và anh T có một con chung, hiện nay đang ở cùng anh T. Về điều kiện chung thì cả anh T và chị N đều đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản và công nợ chung của hai người địa phương không nắm rõ.

* Khi được hỏi, cháu Hoàng Ngọc L có ý kiến: thời gian vừa qua bố mẹ cháu có mâu thuẫn và sống ly thân. Trong thời gian bố mẹ ly thân, cháu vẫn ở

cùng với bố cháu và ông bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn anh Hoàng Ngọc T chưa chấp hành Thông báo của Tòa án tham gia phiên hòa giải, chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị HN được ly hôn anh Hoàng Ngọc T Giao con Hoàng Ngọc L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị N phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H N thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Hoàng Ngọc T hiện đang cư trú tại phường Đ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt. Chị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành việc hòa giải vì giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải được. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14 giờ 00 ngày 23 tháng 01 năm 2024 (Quyết định này đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự) nhưng chị N có mặt và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H Ng và anh Hoàng Ngọc T tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn rồi dẫn đến sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải để các đương sự có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận với nhau về những vấn đề có tranh chấp nhưng anh T vắng mặt. Sau đó, anh T cũng có bản tự khai xác định không còn tình cảm với chị N và có quan điểm đồng ý ly hôn chị N.

Từ đó xác định: Chị Nguyễn Thị H N và anh Hoàng Ngọc T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung nếu tiếp tục duy trì sẽ không có hạnh phúc, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N và anh T có một con chung là Hoàng Ngọc L, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2011. Các đương sự đều có quan điểm để anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu L cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, cần giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Ngọc L là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N đề nghị được cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng; anh T cũng có quan điểm đồng ý với mức cấp dưỡng cho con mà chị N đã đưa ra. Vì vậy, chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H N phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H N được ly hôn anh Hoàng Ngọc T.

2. *Về con chung*:

Anh Hoàng Ngọc T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hoàng Ngọc L, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2011 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị H N phải cấp dưỡng cho con Hoàng Ngọc L mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị H N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Hoàng Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nhung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003278 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị Nguyễn Thị H N còn phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị H N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Hoàng Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyn

